SAO Y; Tỉnh Lạng Sơn; 11/01/2024 10:11:36 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /2023/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam và Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về quản lý, bảo đảm an ninh trật tự tại cửa khẩu đường hàng không;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam và Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT) và Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi

tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT như sau:

"**Điều 5. Thủ tục phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không, chấp thuận chương trình an ninh hàng không hãng hàng không nước ngoài**

1. Doanh nghiệp, đơn vị có chương trình, quy chế an ninh hàng không gửi 01 bộ hồ sơ (hồ sơ bằng tiếng Việt đối với doanh nghiệp Việt Nam, hồ sơ bằng tiếng Anh đối với hãng hàng không nước ngoài) trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản giấy hoặc bản điện tử dự thảo chương trình, quy chế an ninh hàng không;

c) Bản giấy hoặc bản điện tử bảng đánh giá nội dung khác biệt của chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt đối với hồ sơ trình chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử yêu cầu doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt bổ sung hồ sơ.

3. Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với thủ tục phê duyệt, chấp thuận chương trình, quy chế an ninh hàng không) hoặc 05 ngày làm việc (đối với thủ tục phê duyệt, chấp thuận sửa đổi, bổ sung chương trình, quy chế an ninh hàng không) tính từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, xem xét tổ chức kiểm tra thực tế nếu cần:

a) Trường hợp cần kiểm tra thực tế, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo gửi đến doanh nghiệp, đơn vị đề nghị phê duyệt nêu rõ lý do, thời gian kiểm tra trong thời hạn giải quyết thủ tục hành chính;

b) Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không đủ điều kiện phê duyệt, chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định phê duyệt hoặc chấp thuận (đối với chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài); Quyết định phê duyệt được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử;

c) Nếu chương trình, quy chế an ninh hàng không chưa đủ điều kiện phê duyệt, chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam ban hành văn bản gửi trực tiếp

hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử nêu rõ lý do chưa phê duyệt, chấp thuận.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“**Điều 17. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không**

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp lực lượng công an, hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không) có dán ảnh màu kích thước 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức đã lập bản chính sao y hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản điện tử tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

d) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan cấp thẻ thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo và đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu điều kiện cấp thẻ phù hợp theo quy định thì cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định thì cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử lý do và nội dung cần làm rõ.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được làm rõ, nếu điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định thì cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“**Điều 18. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không**

1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ thực hiện theo quy định tại các điểm a, c, và d khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ thực hiện theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 17 Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ thực hiện theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 17 Thông tư này và văn bản giải trình của người đề nghị cấp về thời gian, địa điểm và nguyên nhân mất thẻ có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này; trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị, hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

2. Cơ quan cấp thẻ thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo và đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu điều kiện cấp thẻ phù hợp theo quy định thì cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định thì cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử lý do và nội dung cần làm rõ.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được làm rõ, nếu điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định thì cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“**Điều 19. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không**

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm: Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 60 phút, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện cấp thẻ, Cảng vụ hàng không cấp thẻ trực tiếp cho người nộp hồ sơ; trường hợp không đủ điều kiện cấp thẻ, Cảng vụ hàng không thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“**Điều 20. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay**

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản giấy hoặc bản điện tử danh sách cán bộ, nhân viên đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản giấy hoặc bản điện tử Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, nếu là bản giấy phải đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

c) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trong 05 ngày làm việc, kể từ khi cấp thẻ, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách những người được cấp thẻ bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cảng vụ hàng không khu vực.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

"**Điều 21. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay**

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp cấp lại do thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ thực hiện theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 20 của Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ thực hiện theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 20 của Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất thẻ;

d) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác, hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 của Thông tư này.

2. Trong 05 ngày làm việc kể từ khi cấp thẻ, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách những người được cấp thẻ bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cảng vụ hàng không khu vực."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

"**Điều 22. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay**

1. Đơn vị đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp thẻ. Hồ sơ bao gồm: Bản giấy hoặc bản điện tử danh sách cán bộ, nhân viên đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ, cấp thẻ trực tiếp cho người nộp hồ sơ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp hoặc thông báo trên môi trường điện tử lý do cho người nộp hồ sơ."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT như sau:

"**Điều 23. Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay**

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Cơ quan cấp giấy phép thẩm định, cấp hoặc không cấp giấy phép như sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo và đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định thì cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định thì cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử lý do và nội dung cần làm rõ.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được làm rõ, nếu điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định thì cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cảng vụ hàng không khu vực.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“**Điều 24. Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay**

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến cơ quan cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Cấp lại do giấy phép hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này;

b) Cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư này và nộp lại giấy phép bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Cấp lại do bị mất giấy phép, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư này; cơ quan đề nghị cấp giấy phép phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

2. Cơ quan cấp giấy phép thẩm định, cấp hoặc không cấp giấy phép như sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo và đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định thì cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung cần làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định thì cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử lý do và nội dung cần làm rõ.

Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được làm rõ, nếu điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định thì cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; nếu điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do.

3. Trong 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cảng vụ hàng không khu vực.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“**Điều 25. Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, sân bay**

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử đến cho cơ quan cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Trong thời hạn tối đa 60 phút, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ; trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép, cơ quan thẩm định thực hiện cấp giấy phép và gửi trực tiếp cho người nộp hồ sơ; trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép, cơ quan thẩm định thông báo trực tiếp hoặc thông báo trên môi trường điện tử lý do cho người nộp hồ sơ."

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 36 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

"9. Lực lượng công an cửa khẩu đang làm nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay đeo số hiệu Công an cửa khẩu được vào, ra, hoạt động tại các khu vực hạn chế theo nhiệm vụ được giao khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không không phải cởi áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng; người, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ khi đi qua cổng từ không phải thực hiện kiểm tra trực quan. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Đồ vật mang theo, trừ quân phục, tài liệu và phương tiện nghiệp vụ;

b) Phương tiện di chuyển và đồ vật trên phương tiện."

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 38 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT như sau:

"9. Đường giao thông trước cửa nhà ga nơi phục vụ hành khách đến, đường giao thông gần đài kiểm soát không lưu phải cách nhà ga, đài kiểm soát không lưu tối thiểu 30 mét (trừ đường giao thông dành cho phương tiện nội bộ, phương tiện ưu tiên, phương tiện công vụ, phương tiện phục vụ khẩn nguy). Liền kề đường giao thông trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa, bãi đỗ xe mô tô, ô tô trước cửa nhà ga hành khách, hàng hóa phải bố trí các vật cản cố định hoặc di động để ngăn chặn việc dùng phương tiện giao thông tấn công vào nhà ga, sân bay."

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 41 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

"1. Hãng hàng không chỉ được phép chấp nhận vận chuyển và cho hành khách lên tàu bay khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hành khách có thẻ lên tàu bay và giấy tờ về nhân thân (hoặc thông tin về nhân thân dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương giấy tờ về nhân thân) theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này; đã kiểm tra, đối chiếu để bảo đảm sự trùng khớp của hành khách với giấy tờ (hoặc thông tin về nhân thân dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương giấy tờ về nhân thân hoặc dữ liệu xác thực sinh trắc học của hành khách) và chuyến bay.

b) Hành khách, hành lý đã được kiểm tra an ninh hàng không.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 như sau:

“2. Hành khách có hành lý ký gửi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này phải có mặt tại quầy làm thủ tục hàng không để làm thủ tục. Nhân viên làm thủ tục phải kiểm tra, đối chiếu hành khách với thẻ lên tàu bay hoặc vé đi tàu bay và giấy tờ về nhân thân (hoặc dữ liệu xác thực sinh trắc học của hành khách hoặc hoặc thông tin về nhân thân dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương giấy tờ về nhân thân), phỏng vấn hành khách về hành lý; nếu có nghi vấn phải thông báo cho người phụ trách an ninh tại điểm kiểm tra an ninh hàng không. Hành lý ký gửi của từng hành khách phải làm thủ tục chấp nhận riêng, bao gồm cả hành khách đi theo nhóm; không làm thủ tục chung cho nhiều người.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 41 như sau:

“a) Kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân (hoặc dữ liệu xác thực sinh trắc học của hành khách hoặc thông tin về nhân thân dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương giấy tờ về nhân thân) của hành khách với vé, thẻ lên tàu bay bằng giấy hoặc trên thiết bị điện tử và hành khách;”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 67 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“1. Khi hành khách lên tàu bay, hãng hàng không chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đối chiếu giấy tờ về nhân thân (hoặc dữ liệu xác thực sinh trắc học của hành khách hoặc thông tin về nhân thân dạng điện tử có giá trị pháp lý tương đương giấy tờ về nhân thân), thẻ lên tàu bay của hành khách để đảm bảo đúng người, đúng chuyến bay. Biện pháp kiểm tra phải được quy định chi tiết trong chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 70 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“3. Trường hợp hành khách là sỹ quan, chiến sỹ cảnh vệ đi cùng đối tượng cảnh vệ hoặc sỹ quan an ninh trên không đi thực hiện nhiệm vụ, phải hoàn thành tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này và đưa tờ khai cho nhân viên thủ tục hàng không của chuyến bay trước khi lên tàu bay, chịu trách nhiệm về sự an toàn của súng, đạn, công cụ hỗ trợ mang theo.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 98 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 98 như sau:

“4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lần đầu, bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp hoặc nộp bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu hoặc nộp bản sao điện tử có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trên môi trường điện tử) văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

c) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 98 như sau:

“5. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hỏng bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 ảnh màu chân dung (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) hoặc ảnh màu chân dung được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử), kích thước 03 cen-ti-mét x 04 cen-ti-mét (chụp trên phông nền màu trắng, đầu và vai thẳng để khuôn mặt chiếm từ 70% đến 80% ảnh, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 98 như sau:

“6. Hồ sơ đề nghị gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định bao gồm:

a) Bản chính hoặc bản điện tử văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử kết quả huấn luyện định kỳ phù hợp với năng định đề nghị gia hạn, phục hồi;

c) Bản sao xuất trình bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp hoặc nộp bản sao điện tử có chứng thực (đối với trường hợp nộp trên môi trường điện tử) văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp (trường hợp bổ sung năng định).”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 98 như sau:

“7. Thủ tục cấp giấy phép, năng định:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ, nếu Hồ sơ không đầy đủ hoặc cơ quan đề nghị chưa nộp phí theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam trả lời bằng văn bản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc

trên môi trường điện tử những nội dung chưa đầy đủ, yêu cầu bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ hoặc thông báo việc từ chối cấp và nêu rõ lý do;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lần đầu, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ;

c) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định; tối đa 07 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; giấy phép, năng định cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi được gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến doanh nghiệp có nhân viên được cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi giấy phép, năng định; trường hợp không cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi giấy phép, năng định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 108 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

“2. Phải bảo đảm an ninh, an toàn cho người, tài sản, các hoạt động của người thử nghiệm và đối tượng chịu sự thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm. Khi thử nghiệm bí mật bị phát hiện, người thử nghiệm phải xuất trình ngay quyết định thử nghiệm cùng với thẻ giám sát viên an ninh hàng không hoặc giấy tờ về nhân thân có ảnh hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của người thử nghiệm cho đối tượng chịu sự thử nghiệm biết, đối tượng chịu sự thử nghiệm phải hợp tác và bảo đảm an ninh, an toàn cho người, phương tiện, đồ vật thử nghiệm.”

18. Bổ sung khoản 13 và khoản 14 Điều 117 vào Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

a) Bổ sung khoản 13 Điều 117 như sau:

“13. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không về phục vụ hành khách phối hợp với Công an cửa khẩu khi triển khai kiểm soát xuất nhập cảnh tự động và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan trong việc thiết lập, vận hành, chia sẻ hệ thống xác thực sinh trắc học và thông tin hành khách;”

b) Bổ sung khoản 14 Điều 117 như sau:

“14. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách:

a) Đối với các chuyến bay nội địa: Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp liên quan trong việc thiết lập, vận hành, chia sẻ hệ thống xác thực sinh trắc học và thông tin hành khách tại nhà ga;

b) Đối với các chuyến bay quốc tế: Phối hợp với Công an cửa khẩu khi triển khai kiểm soát xuất nhập cảnh tự động và các cơ quan, đơn vị, doanh

nghiệp liên quan trong việc thiết lập, vận hành, chia sẻ hệ thống xác thực sinh trắc học và thông tin hành khách tại nhà ga."

19. Bổ sung khoản 9 Điều 118 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT như sau:

"9. Phối hợp với Công an cửa khẩu khi triển khai kiểm soát xuất nhập cảnh tự động và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan trong việc thiết lập, vận hành, chia sẻ hệ thống xác thực sinh trắc học và thông tin hành khách."

Điều 2. Thay thế một số Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT

1. Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 72, khoản 73, khoản 74, khoản 75 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thay thế Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thay thế Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 77 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thay thế Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 78 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thay thế Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 79 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thay thế Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Thay thế Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 82, khoản 83, khoản 84, khoản 85 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT bằng Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Các công trình nhà ga, đài kiểm soát không lưu được phê duyệt thiết kế xây dựng trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 38 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTải (5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Anh Tuấn